| ỦY BAN NHÂN DÂN<br>HUYỆN NINH HẢI | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|
| Số: /BC-UBND | *Ninh Hải, ngày tháng 02 năm 2023* |

# BÁO CÁO
## Về việc thực hiện chính sách, pháp luật về giáo dục tại cơ sở giáo dục thuộc huyện Ninh Hải giai đoạn 2018-2022

Thực hiện Công văn số 13/KH-ĐGS ngày 30/12/2022 của Đoàn Giám sát Hội đồng nhân dân tỉnh về việc Giám sát chuyên đề của HĐND tỉnh về việc thực hiện chính sách, pháp luật về giáo dục tại cơ sở giáo dục thuộc tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2018-2022.

Căn cứ kết quả triển khai, thực hiện chính sách, pháp luật về giáo dục tại các cơ sở giáo dục giai đoạn 2018-2022. Uỷ ban nhân dân huyện Ninh Hải báo cáo như sau:

## I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Tính đến thời điểm hiện nay, toàn huyện có 43 trường (trong đó 02 trường tư thục mầm non) 571 lớp/ 18.209 học sinh công lập. Cụ thể:

+ Bậc Mầm non: 12 trường/ 2.809 học sinh/ 97 lớp;

+ Bậc Tiểu học: 18 trường/ 9.660 học sinh/327 lớp; Tăng 02 lớp so với 2021-2022.

+ Bậc THCS: 11 trường (trong đó có 02 trường liên cấp)/5.740 học sinh/146 lớp; Giảm 09 lớp so với 2021-2022.

- Huy động học sinh ra lớp so với kế hoạch, năm học 2022-2023: Mầm non 2.809/2.636, tỷ lệ 106%; Tiểu học 9.660/ 9.436, tỷ lệ 102%; THCS 5.740/5.838, tỷ lệ 98,3%.

Sự nghiệp giáo dục của huyện đã có sự chuyển biến mạnh mẽ về nhiều mặt, mạng lưới trường, lớp học phát triển phủ kín các địa bàn trong huyện; công tác đầu tư theo hướng kiên cố hóa, chuẩn quốc gia ngày càng được tăng cường; chất lượng giáo dục tiếp tục được nâng lên; đã thu hút tối đa học sinh trong độ tuổi đến trường; số học sinh lưu ban, bỏ học giảm ở tất cả các cấp học; công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ tiếp tục được duy trì theo hướng bền vững; số trường học đạt chuẩn quốc gia tăng cả về số lượng và chất lượng. Số lượng các trường mầm non trên địa bàn xã, thị trấn tăng nhanh phù hợp với đặc điểm điều kiện dân sinh và quy hoạch của huyện đã góp phần tăng tỷ lệ huy động trẻ mầm non ra lớp ở các độ tuổi nói chung và trẻ mẫu giáo 5 tuổi nói riêng.

## II. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT TRONG CƠ SỞ GIÁO DỤC

**1.** Việc ban hành các văn bản (cụ thể hóa, triển khai các chủ trương, chính sách, quy định pháp luật của Trung ương; triển khai, xây dựng cơ chế, chính sách

của tỉnh); kế hoạch triển khai, tổ chức thực hiện các chính sách giáo dục tại các cơ sở giáo dục của tỉnh.

Ủy ban nhân dân huyện (UBND) đã triển khai kịp thời các văn bản của cấp trên, chỉ đạo triển khai thực hiện chính sách, pháp luật về giáo dục trên địa bàn huyện kịp thời như:

- Nghị định 80/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ về quy định về môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng chống bạo lực học đường.

- Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ về quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non.

- Nghị quyết số 103/NQ-CP ngày 11/8/2022 của Chính phủ về chính sách hỗ trợ CBQL-GV-NV trong các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học ngoài công lập gặp khó khăn do đại dịch Covid-19.

- Thông tư 26/2018/TT-BGDĐT ngày 08/10/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non.

- Thông tư 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Điều lệ Trường mầm non.

- Thông tư 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Điều lệ Trường Tiểu học.

- Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học

- Luật Giáo dục số 43/2019/QH14, ngày 14 tháng 6 năm 2019 của Quốc hội khóa XIV.

- Nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận ban hành Quyết định 69/2016/QĐ-UBND ngày 29/9/2016 quy định về mức thu, vùng thu quản lý học phí đối với các các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

**2. Công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt các văn bản liên quan.**

- Thông qua sinh hoạt Ngày pháp luật hàng tháng, UBND huyện kịp thời thông tin chỉ đạo phổ biến và hướng dẫn các cơ sở giáo dục thực hiện nghiêm túc các văn bản quy phạm pháp luật về giáo dục.

- Tăng cường phổ biến và hướng dẫn thực hiện chính sách về giáo dục khuyết tật cho trẻ và cho giáo viên đến tất cả các địa phương, các cơ sở giáo dục nên mỗi đơn vị đã trang bị một tủ sách pháp luật và được bổ sung hàng năm cho cán bộ, giáo viên, nhân viên (CB-GV-NV) tham khảo nghiên cứu.

- Công tác tuyên truyền việc triển khai chính sách, pháp luật về GDMN, giáo dục phổ thông được thực hiện thường xuyên và được đánh giá qua các đợt kiểm tra.

**3. Công tác xây dựng và triển khai kế hoạch giáo dục của các cơ sở giáo dục; công tác thanh tra, kiểm tra, thi đua- khen thưởng, xử lý vi phạm pháp luật trong giáo dục.**

- Hàng năm các đơn vị trường học xây dựng các loại kế hoạch theo chỉ đạo của Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân huyện, Phòng Giáo dục và Đào tạo như: kế hoạch giáo dục, kế hoạch kiểm tra nội bộ, chiến lược phát triển, … và triển khai đầy đủ đến hội đồng trường, hội đồng sư phạm nhà trường,… thực hiện theo kế hoạch đề ra.

- Tiếp tục thực hiện giao quyền cho 100% các đơn vị tự chủ tài chính theo Nghị định 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ qui định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.

**4.** Công tác quy hoạch và thực hiện quy hoạch (quy hoạch về đất đai và phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục) của tỉnh, địa phương giai đoạn 2018-2022. Công tác rà soát, sắp xếp mạng lưới trường, lớp giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông.

- Hàng năm, UBND huyện chỉ đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo xây dựng kế hoạch phát triển trường lớp căn cứ trên kế hoạch phát triển của các đơn vị trường học, sắp xếp trường lớp theo kế hoạch, phù hợp đặc điểm địa phương.

- Luôn quan tâm đầu tư phát triển mạng lưới trường, lớp thực hiện tốt công tác quy hoạch quỹ đất để xây dựng trường, lớp trên địa bàn, đầu tư cơ sở vật chất theo hướng chuẩn hóa, kiên cố hóa đáp ứng công tác xây dựng trường chuẩn Quốc gia, chương trình thay sách giáo khoa 2018.

**5. Công tác xã hội hóa giáo dục:**

- Kết quả thực hiện công tác xã hội hóa giáo dục trên địa bàn: Từ năm 2018 đến năm 2022 được sự quan tâm của các ban ngành đoàn thể, các mạnh thường quân, cha mẹ học sinh nhiệt tình trong công tác xã hội hóa tạo động lực giúp đỡ cho các đơn vị trường MN, MG trên địa bàn huyện cải tạo, sửa chữa, mua sắm trang bị đồ dùng đồ chơi cho các cháu, bắt camera, thuê giáo viên và cấp dưỡng phục vụ cho công tác bán trú… nhằm đáp ứng với khó khăn của đơn vị với số tiền: 2.613.206.527 đồng.

- Phát triển trường lớp ngoài công lập:

* *Thuận lợi:* Phát triển giáo dục mầm non ngoài công lập là một trong những chủ trương xã hội hóa giáo dục được nhà nước khuyến khích nhằm đáp ứng nhu cầu của xã hội, đặc biệt là hiện nay khi nền kinh tế đang phát triển, nhằm thu hút các nguồn lực đầu tư, tạo điều kiện hết mức có thể để đa dạng hóa các loại hình nhằm ngày càng nâng cao chất lượng giáo dục trong các cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập

Việc xã hội hóa giáo dục, mở rộng các loại hình trường, lớp đã góp phần thu hút trẻ mầm non trong độ tuổi đến trường; đáp ứng được nhu cầu gửi trẻ rất lớn hiện nay và giảm tải bớt áp lực đối với các cơ sở giáo dục mầm non công lập trên địa bàn; góp phần làm ổn định xã hội, tạo thuận lợi cho cha mẹ các cháu an

tâm làm việc; bên cạnh giải quyết công ăn việc làm cho một bộ phận giáo viên mầm non và một số lao động khác theo yêu cầu.

UBND huyện Ninh Hải cho chủ doanh nghiệp thuê đất với tổng diện tích sử dụng là 2.200 $m^2$ để xây dựng trường mầm non tư thục Nắng Hồng với qui mô 6 lớp học nhằm huy động, thu hút trẻ trong độ tuổi trên địa bàn ra lớp.

** Khó khăn:*

Một số địa phương kinh tế khó khăn, một số phụ huynh chưa thật sự quan tâm đến ngành học mầm non nên việc huy động xã hội hóa gặp nhiều khó khăn, chính sách khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển giáo dục mầm non, thu hút xã hội hóa chưa cao.

** Tồn tại, hạn chế:*

Một số cơ sở ngoài công lập đầu tư, trang bị cơ sở vật chất chưa đảm bảo, đáp ứng nhu cầu của người dân (như cải tạo nhà ở thành cơ sở giữ trẻ, diện tích chưa đảm bảo), ít đồ chơi ngoài trời cho trẻ chơi vì kinh phí còn hạn chế.

Đa số các nhóm lớp chưa thực hiện chế độ đóng BHXH cho giáo viên, nhân viên của các nhóm lớp tư thục. Giáo viên mầm non lương thấp so với thời gian làm việc 40 giờ/tuần vì vậy đời sống của giáo viên mầm non còn khó khăn.

** Kiến nghị, đề xuất:*

Tạo mọi điều kiện về thủ tục, giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, miễn thuế, vay vốn với lãi xuất ưu đãi,… khuyến khích các tư nhân có tâm huyết tham gia mở trường, lớp mầm non tư thục.

Chỉ đạo Bảo hiểm xã hội, Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội trong việc kiểm tra, hướng dẫn, khuyến khích các cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập đảm bảo chế độ hợp đồng lao động và các chế độ bảo hiểm xã hội cho người lao động, nhằm tạo sự an tâm cho giáo viên công tác lâu dài tại đơn vị ngoài công lập.

## III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

### 1. Đối với giáo dục mầm non

- Công tác quy hoạch, kế hoạch xây dựng mạng lưới trường lớp về giáo dục mầm non (trường mầm non, trường mẫu giáo, nhà trẻ) trên địa bàn: Xây dựng mạng lưới trường lớp về GDMN thông qua hướng dẫn nhiệm vụ năm học cũng như qua các cuộc họp giao ban. Các đơn vị tăng cường công tác huy động tối đa trẻ ra lớp theo quy định tại Điều lệ trường mầm non; đồng thời, thực hiện tốt công tác tham mưu với chính quyền địa phương để các địa phương ưu tiên, dành quỹ đất để xây dựng trường mầm non trên địa bàn nên số lượng các trường MN, MG công lập, tư thục và các nhóm lớp tư thục trên địa bàn huyện phát triển nhiều hơn và tỉ lệ huy động trẻ ra lớp ở các độ tuổi ngày càng cao, cụ thể như:

| Năm học | Đơn vị trường MN, MG công lập | | | | | Đơn vị trường MN, MG và nhóm lớp tư thục | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Số trường | Số lớp | Số trẻ | Độ tuổi | | Số trường | Số lớp | Số trẻ | Độ tuổi | |
| | | | | Nhà trẻ | MG | | | | Nhà trẻ | MG |
| 2017 - 2018 | 12 | | | | | | | | | |
| 2018 - 2019 | 12 | 100 | 2.807 | 77 | 2.730 | 2 | 64 | 946 | 376 | 570 |
| 2019 - 2020 | 12 | 94 | 3.127 | 68 | 3.059 | 2 | 68 | 1.105 | 425 | 680 |
| 2020 - 2021 | 12 | 96 | 3.089 | 67 | 3.022 | 2 | 71 | 1.153 | 497 | 656 |
| 2021 - 2022 | 12 | 97 | 2.994 | 67 | 2.927 | 2 | 57 | 1.485 | 426 | 1.059 |

1.2. Kết quả xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia và công tác kiểm định chất lượng giáo dục mầm non trên địa bàn.

- UBND huyện luôn quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát và kịp thời đối với công tác giáo dục trên địa bàn, quan tâm chăm lo chất lượng giáo dục, đào tạo, trọng tâm xây dựng trường đạt chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục và đạt chuẩn quốc gia, đưa vào chỉ tiêu phát triển Kinh tế xã hội của huyện từng giai đoạn. Chỉ đạo các phòng ban huyện phối hợp chặt chẽ tham mưu kế hoạch đầu tư công để đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị cho giáo dục theo hướng đạt chuẩn. Cơ sở vật chất của các trường từng bước được đầu tư, nâng cấp hàng năm nhằm hoàn thiện đảm bảo cho việc xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia.

- Tính đến nay, số trường đạt chuẩn quốc gia toàn huyện 23/41 (THCS: 07; TH: 12; MN: 04), tỷ lệ: 56,1%.

- Công tác kiểm định chất lượng giáo dục của các cơ sở giáo dục thực hiện khá tốt, tiếp tục có kế hoạch cải tiến chất lượng.

1.3. Đánh giá chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ

a) Kết quả huy động trẻ khối nhà trẻ, khối mẫu giáo ra lớp theo quy định; tỷ lệ trẻ em được học 2 buổi/ngày theo từng năm học.

Phòng Giáo dục và Đào tạo luôn đẩy mạnh công tác chỉ đạo các đơn vị trường học thông qua hướng dẫn nhiệm vụ năm học, cũng như qua các cuộc họp giao ban với Hiệu trưởng. Các đơn vị tăng cường công tác huy động tối đa trẻ ra lớp theo quy định tại Điều lệ trường mầm non;

| Năm học | Tổng số trẻ | Đơn vị trường MN, MG công lập | | | | Đơn vị trường MN, MG và các nhóm lớp tư thục | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Nhà trẻ | | Trẻ mẫu giáo | | Nhà trẻ | | Trẻ mẫu giáo | |
| | | Trẻ ra lớp | Trẻ học 2b/ngày | Trẻ ra lớp | Trẻ học 2b/ngày | Trẻ ra lớp | Trẻ học 2b/ngày | Trẻ ra lớp | Trẻ học 2b/ngày |
| 2017 - 2018 | 4.242 | 67 | 67 | 3.022 | 2.966 | 497 | 497 | 656 | 656 |
| 2018 - 2019 | 4.479 | 67 | 67 | 2.927 | 2.789 | 426 | 426 | 1.059 | 1.059 |

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 2019 - 2020 | 4.404 | 67 | 67 | 2.840 | 2.779 | 602 | 602 | 895 | 895 |
| 2020 - 2021 | 4.402 | 69 | 69 | 2.772 | 2.723 | 641 | 641 | 920 | 920 |
| 2021 - 2022 | 4.039 | 70 | 70 | 2.808 | 2.753 | 513 | 513 | 648 | 648 |

b) Việc triển khai các chương trình và đổi mới phương pháp giáo dục mầm non; công tác chất lượng chăm sóc sức khỏe, nuôi dưỡng trẻ (tỷ lệ trẻ em đạt chuẩn; tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng ở các cơ sở giáo dục mầm non).

- Các đơn vị MN, MG thực hiện nghiêm túc chương trình theo quy định của về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình Giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình Giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25/7/2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; đổi mới hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ theo quan điểm giáo dục "lấy trẻ làm trung tâm", lựa chọn nội dung, đề tài phù hợp với trường, với lớp, có nhiều đổi mới hình thức để nâng cao chất lượng giáo dục.

- Thực hiện có hiệu quả các giải pháp để bảo đảm điều kiện thực hiện chương trình GDMN; phát triển các điều kiện và hoạt động của nhà trường theo các tiêu chí xây dựng trường MN lấy trẻ làm trung tâm, đặc biệt quan tâm xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện. Đổi mới hoạt động chuyên môn trong nhà trường; đổi mới mục tiêu, nội dung và phương pháp, hình thức GDMN; vận dụng một vài phương pháp GDMN tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới phù hợp với thực tiễn của nhà trường để nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ.

- Triển khai kế hoạch trường học an toàn đến các đơn vị trường học, qua các buổi họp hiệu trưởng hàng tháng, trong năm học không có trẻ bị tai nạn thương tích xảy ra, nhất là các trường có trẻ ăn bán trú, có nhiều biện pháp để chăm sóc giáo dục trẻ, đảm bảo chế độ ăn cho trẻ, có chất lượng, không có hiện tượng xảy ra ngộ độc thực phẩm trong trường, thực hiện tốt Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT ngày 12/5/2016 quy định về công tác y tế trường học như:

+ Sử dụng nguồn thực phẩm an toàn, uy tín, chất lượng thực hiện tốt việc chọn thực phẩm tươi sống, đảm bảo dinh dưỡng, thực hiện tốt quy trình chế biến trong việc kiểm thực 3 bước.

+ Tính khẩu phần ăn, xây dựng thực đơn phong phú, hợp lý và cân đối về dinh dưỡng hàng tuần, hàng ngày và theo mùa, đảm bảo đủ 4 nhóm thực phẩm: Prôtêin, Lipit, Gluxit, Vitamin và Muối khoáng.

+ Đẩy mạnh công tác chăm sóc nuôi dưỡng, bảo vệ sức khoẻ ban đầu cho trẻ. Đặc biệt quan tâm tới việc phòng tránh tai nạn thương tích, đảm bảo an toàn tuyệt đối về thể chất và tinh thần cho trẻ, giữ gìn môi trường sinh hoạt, dụng cụ ăn uống, đồ dùng, đồ chơi của trẻ sạch sẽ, coi đây là mục tiêu hàng đầu trong công

tác Chăm sóc - Giáo dục trẻ mầm non. Tỉ lệ trẻ suy dinh dưỡng qua các năm cụ thể như:

| Năm học | Trẻ SDD thể nhẹ cân | | Trẻ SDD thể thấp còi | |
|---|---|---|---|---|
| | Số trẻ | Đạt tỉ lệ % | Số trẻ | Đạt tỉ lệ % |
| 2017 - 2018 | 56/4.242 | 1,32 | 71/4.242 | 1,67 |
| 2018 - 2019 | 22/4.479 | 0,49 | 41/4.479 | 0,92 |
| 2019 - 2020 | 126/4.404 | 2,86 | 54/4.404 | 1,23 |
| 2020 - 2021 | 58/4.402 | 1,32 | 85/4.402 | 1,93 |
| 2021 - 2022 | 12/4.039 | 0,30 | 18/4.039 | 0,45 |

c) Công tác phổ cập giáo dục.

- Năm 2022, huyện duy trì đạt chuẩn phổ cập Kết quả phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi: Công tác điều tra, thực hiện hồ sơ phổ cập, triển khai cập nhật số liệu, thực hiện báo cáo, khai thác dữ liệu phổ cập GDMNTNT trên hệ thống thông tin điện tử quản lý phổ cập giáo dục, xóa mù chữ theo phân cấp quản lý. Hàng năm, Phòng Giáo dục và Đào tạo, các trường thực hiện đi điều tra bổ sung số trẻ mới sinh, cập nhật vào phần mềm, cuối năm tiến hành thực hiện hồ sơ phổ cập trẻ em 5 tuổi, tỉ lệ huy động trẻ 5 tuổi đến trường lớp tăng qua các năm, cụ thể:

| Năm học | Trẻ 5 tuổi phải huy động (dân số độ tuổi) | Huy động trẻ ra lớp | Đạt tỉ lệ % |
|---|---|---|---|
| 2017 - 2018 | 1.822 | 1.812 | 99,45 |
| 2018 - 2019 | 1.666 | 1.659 | 99,58 |
| 2019 - 2020 | 1.729 | 1.728 | 99,94 |
| 2020 - 2021 | 1.738 | 1.729 | 99,48 |
| 2021 - 2022 | 1.789 | 1.765 | 98,66 |

- Đến nay, duy trì huyện đạt chuẩn phổ cập.

1.4. Việc triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ đối với giáo viên và trẻ em giáo dục mầm non (chính sách miễn, giảm học phí; hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ; chương trình sữa học đường; các chính sách khác); đánh giá tác động của các chế độ, chính sách hiện nay đối với giáo viên và trẻ em.

** Chi thực hiện chính sách đối với giáo viên dạy lớp ghép trẻ dân tộc thiểu số vùng đặc biệt khó khăn từ năm 2018 đến năm 2022 là 67.050.000 đồng.*

** Chi thực hiện chính sách cho trẻ em từ năm 2018 đến năm 2022 là 1.049.958.000 đồng, trong đó chi:*

+ Hỗ trợ chi phí học tập: 231.149.000 đồng/401 trẻ.

+ Hỗ trợ ăn trưa: 818.809.000 đồng/951 trẻ.

** Miễn, giảm học phí cho trẻ: 460,199,500 đồng/ 1,226 trẻ (trong đó miễn học phí là: 245.557.000 đồng/586 trẻ; giảm học phí là: 214.642.500 đồng/640 trẻ).*

** Chế độ chính sách đối với giáo viên dạy lớp ghép trẻ dân tộc thiểu số vùng đặc biệt khó khăn:*

- Việc thực hiện các chế độ chính sách cho trẻ được các trường thực hiện đúng theo các văn bản, các chế độ miễn giảm giúp trẻ trong diện nghèo, cận nghèo, trẻ con em đối tượng chính sách được hưởng theo đúng quy định và các chính sách cho giáo viên dạy lớp ghép trẻ dân tộc thiểu số vùng đặc biệt khó khăn hàng năm.

1.5. Về đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên.

- Công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên triển khai các văn bản: Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 của chính phủ quy định về đánh giá, xếp loại chất lượng CB,CC,VC; Thông tư số 25/2018/TT-BDGĐT ngày 08/10/2018 ban hành quy định chuẩn Hiệu trưởng cơ sở giáo dục mầm non; các Thông tư ban hành quy chuẩn nghề nghiệp Giáo viên. Nâng cao chất lượng hoạt động chuyên môn của cán bộ quản lý, giáo viên. Nâng cao chất lượng và phát huy hiệu quả của Hội thi giáo viên dạy giỏi. Tham dự đầy đủ, nghiêm túc các buổi tập huấn chuyên môn cho Cán bộ quản lý, giáo viên.

b) Số lượng, chất lượng, cơ cấu đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên; tình trạng thừa, thiếu, tính hợp lý trong cơ cấu; năng lực đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên giáo dục mầm non theo yêu cầu hiện nay và trong những năm tới.

- Trình độ chuyên môn của CBQL-GV-NV đạt chuẩn và trên chuẩn ngày càng cao, đáp ứng đủ tiêu chuẩn theo quy định hiện nay cụ thể như: Tỷ lệ giáo viên/lớp các cấp học: Mầm non: 1,69; So với chuẩn, còn thiếu giáo viên 41 so với biên chế được giao.

c) Kết quả thực hiện chế độ, chính sách đối với đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên.

- Các chế độ chính sách cho giáo viên như lương, phụ cấp ưu đãi, phụ cấp chức vụ của cán bộ quản lý được thực hiện đảm bảo kịp thời đầy đủ theo quy định. Thực hiện công tác tuyển dụng, điều động, luân chuyển cán bộ quản lý, giáo viên, thi đua, khen thưởng theo các quy định hiện hành. Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên được quan tâm thường xuyên nên hầu hết trình độ chuyên môn của giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn. Công tác bồi dưỡng lý luận chính trị cũng được quan tâm nhiều hơn đối với cán bộ quản lý dự nguồn.

d) Tác động của các chế độ, chính sách hiện hành trong việc quản lý, thu hút, phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên.

Các chế độ chính sách đối với đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên đầy đủ, kịp thời tạo tâm lý an tâm, ổn định trong công tác. Tuy nhiên hiện nay tỷ lệ giáo viên/lớp chưa đảm bảo theo Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/3/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ.

1.6. Đánh giá công tác đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phát triển các cơ sở giáo dục trên địa bàn:

- Hàng năm, Ủy ban nhân dân huyện đầu tư, bổ sung xây dựng phòng học đáp ứng nhu cầu dạy học theo Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018. Không để lãng phí cơ sở vật chất, không để thiếu phòng học, thiếu sách - thiết bị dạy học; học sinh thuộc đối tượng chính sách được mượn sách giáo khoa mà không phải nộp phí.

- Chỉ đạo các cơ sở giáo dục phổ thông sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị dạy học hiện có; xây dựng kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm bổ sung thiết bị dạy học thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông bảo đảm thiết thực, hiệu quả.

- Phòng Giáo dục và Đào tạo phối hợp các đơn vị tích cực tham mưu với các cấp để đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị trang bị cho các cơ sở giáo dục trên địa bàn đảm bảo theo lộ trình xây dựng trường chuẩn, phục vụ chương trình thay sách giáo khoa 2018.

**** Đầu tư cơ sở vậtt chất***

- Từ năm 2018 đến năm 2022 xây bổ sung thêm được 14 phòng học cho trẻ ở các đơn vị MN, MG trong huyện, cụ thể như: xây 03 phòng học 01 nhà bếp, nhà vệ sinh cho trẻ trường MN Thành Sơn (cơ sở An Hòa); trường MG Phương Hải 03 phòng học, 01 phòng y tế, 01 kho chứa thực phẩm; trường MG Nhơn Hải 07 phòng học, bếp ăn, nhà vệ sinh cho trẻ và giáo viên (Cơ sở Mỹ Tường); xây mới 01 nhà bếp (trường MG Hộ Hải).

- Đối với trường ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn như trường MG Vĩnh Hải Phòng Giáo dục và Đào tạo phối hợp với các ngành chức năng, sửa chữa cơ sở vật chất cơ sở Mẫu giáo Vĩnh Hải (cơ sở Cầu Gãy, Đá Hang), THCS Nguyễn Văn Linh ( xây mới 15 phòng).

**** Đầu tư, mua sắm trang thiết bị phục vụ hoạt động cho các cơ sở giáo dục***

Đối với cấp Mầm non: Mua tủ đựng hồ sơ, loa, ti vi, máy vi tính, mua sắm, sửa chữa bàn ghế học sinh, mua thảm xốp bitits, quạt, nồi cơm điện, xô đựng thức ăn, lắp camera giám sát hoạt động của trường/lớp,… từ nguồn ngân sách.

Một số trường trên địa bàn huyện được Sở Giáo dục và Đào tạo đầu tư đồ dùng, đồ chơi, trang thiết bị, học liệu trong lớp và ngoài trời, nhà trường cho trẻ sử dụng thường xuyên và bảo quản hiệu quả.

- Tuy nhiên cần đẩy nhanh trang bị máy vi tính, máy chiếu phục vụ cho dạy học môn Tin học, Anh Văn kể từ năm học 2022-2023 cho các lớp 3 – lớp 5; đồng thời kiến nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo bổ sung biên chế giáo viên Tiếng Anh, Tin học để đảm bảo thực hiện chương trình giáo dục phổ thông; Một số đơn vị đồ chơi

cho trẻ chơi ngoài trời không đủ nên chưa đảm bảo nhu cầu vui chơi và vận động của trẻ  theo Thông tư 02/2010/TT-BGDĐT ngày 11/02/2010 về ban hành Danh mục Đồ dùng - Đồ chơi - Thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho Giáo dục mầm non.

**2. Đối với giáo dục phổ thông**

2.1. Mạng lưới trường, lớp, học sinh:

+ Bậc Tiểu học 18 trường/9.660 học sinh/327 lớp; Tăng 02 lớp so với 2021-2022.

+ Bậc THCS 11 trường (trong đó có 02 trường liên cấp)/5.740 học sinh/146 lớp; Giảm 09 lớp so với 2021-2022.

- Huy động học sinh ra lớp so với kế hoạch, năm học 2022-2023: Mầm non 2.809/2.636, tỷ lệ 106%; Tiểu học 9.660/9.436, tỷ lệ 102%; THCS 5.740/5.838, tỷ lệ 98,3%.

2.2. Công tác tuyển sinh đầu cấp trung học cơ sở: hàng năm đạt Tỷ lệ từ 99% trở lên; hàng năm có trên 70% học sinh tiếp tục học THPT.

2.3. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên:

- Công tác đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng giáo viên: Phòng Giáo dục và Đào tạo đã cử cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn Chương trình giáo dục phổ thông 2018 do Bộ, Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức (Hiện nay, 100% cán bộ quản lý đã được tập huấn tổng thể về Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018; một số giáo viên cốt cán đã tham gia tập huấn trực tuyến theo môn học do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức).

- Công tác tuyển dụng, Ủy ban nhân dân huyện tổ chức 02 đợt tuyển dụng viên chức trong 02 năm, kết quả năm 2019 tuyển dụng được 41 giáo viên, năm 2022 tuyển dụng được 45 giáo viên; để bổ sung đội ngũ viên chức phục vụ công tác giảng dạy nói chung và thực hiện công tác giảng dạy theo Chương trình GDPT năm 2018 nói riêng.

- Đối với các lớp thực hiện theo Chương trình GDPT năm 2018.

Các đơn vị trường học đã tích cực thực hiện đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh; vận dụng phù hợp những thành tố tích cực của các mô hình, phương thức giáo dục tiên tiến nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục, đặc biệt là đổi mới tổ chức hoạt động giáo dục trên lớp học.

- Đối với các lớp thực hiện Chương trình hiện hành

Các đơn vị trường học xây dựng kế hoạch giáo dục đảm bảo thực hiện đầy đủ nội dung các môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc, lựa chọn nội dung giáo dục tự chọn và xây dựng các hoạt động giáo dục phù hợp với nhu cầu của học sinh và điều kiện của nhà trường, địa phương; đảm bảo tính chủ động, linh hoạt của nhà trường trong việc xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục dạy học 2 buổi/ngày; tuân thủ các nguyên tắc, phương pháp sư phạm nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, tự giác phù hợp với lứa tuổi học sinh tiểu học.

- Đối với các lớp cuối cấp chuẩn bị thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông vào năm sau.

- Phòng Giáo dục và Đào tạo chủ động tổ chức cho tất cả giáo viên dạy lớp 4, 5 cấp tiểu học, lớp 8, 9 tham gia tập huấn dạy học theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh. Giáo viên điều chỉnh kế hoạch bài dạy và bước đầu thực hiện dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực.

2.4. Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học:

Ủy ban nhân dân huyện đã đầu tư, bổ sung các phòng học đáp ứng nhu cầu dạy học theo Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018.

Không để lãng phí cơ sở vật chất, không để thiếu phòng học, thiếu sách - thiết bị dạy học; học sinh thuộc đối tượng chính sách được mượn sách giáo khoa mà không phải nộp phí.

Chỉ đạo các cơ sở giáo dục phổ thông sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị dạy học hiện có; xây dựng kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm bổ sung thiết bị dạy học thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông bảo đảm thiết thực, hiệu quả.

Huy động các nguồn lực để thực hiện đổi mới Chương trình giáo dục phổ thông theo kế hoạch của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Uỷ ban nhân dân tỉnh.

- Đánh giá khả năng đáp ứng về trang thiết bị dạy học:

Hàng năm, Sở Giáo dục có kế hoạch cung ứng trang thiết bị, đồ dùng dạy học cho lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 6, lớp 7 năm học 2020-2021, năm học 2021-2022, năm học 2022-2023 và những năm tiếp theo nhằm thực hiện tốt Chương trình giáo dục Phổ thông 2018.

Tuy nhiên cần đẩy nhanh trang bị máy vi tính, máy chiếu phục vụ cho dạy học môn Tin học, Anh Văn kể từ năm học 2022-2023 cho các lớp 3 – lớp 5; đồng thời kiến nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo bổ sung biên chế giáo viên Tiếng Anh, Tin học để đảm bảo thực hiện chương trình giáo dục phổ thông.

2.5. Kết quả xây dựng trường phổ thông đạt chuẩn quốc gia và kiểm định chất lượng giáo dục theo kế hoạch.

Đến nay, có 19/29 trường đạt chuẩn Quốc gia (tỷ lệ 65,5%). Trong đó, tiểu học đạt 12/18 trường; THCS: 07/11 trường.

2.6. Việc triển khai lựa chọn sách giáo khoa giáo dục các lớp: 1, 2, 3, 6, 7, 10 theo Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018; thực hiện Chỉ thị số 643/CT-BGDĐT ngày 10/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sử dụng sách giáo khoa và sách tham khảo tại các cơ sở giáo dục; việc trang bị sách giáo khoa, tài liệu, học liệu.

UBND tỉnh ban hành Quyết định số 383/QĐ-UBND ngày 20/3/2020 của UBND tỉnh ban hành tiêu chí lựa chọn SGK trong các cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; Quyết định số 375/QĐ-UBND ngày 04/3/2020 của UBND tỉnh ban hành tiêu chí lựa chọn SGK trong các cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

Các đơn vị chủ động trong việc việc lựa chọn Sách giáo khoa, có nhiều bộ sách giáo khoa để lựa chọn phù hợp với trình độ và thực tế của đơn vị; việc lựa chọn sách giáo khoa của các đơn vị thực hiện đúng theo quy trình và quy định.

+ Khó khăn:

Đối với lớp 1 năm học 2020-2021, một số đơn vị lựa chọn nhiều môn học ở nhiều bộ sách giáo khoa khác nhau (05 bộ sách), gây ảnh hưởng đến việc mua sách của phụ huynh học sinh và nhà cung ứng sách giáo khoa cho đơn vị.

*( Đính kèm phụ lục 1, 2)*

## IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

### 1. Kết quả đạt được

- Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo, UBND các xã, thị trấn tăng cường cơ sở vật chất, đảm bảo đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên phục vụ tốt cho công tác giáo dục trên địa bàn, nhất là giáo dục mầm non, tiểu học. Các đơn vị trường học tích cực trong công tác huy động học sinh ra lớp theo quy định tại; Thực hiện tốt công tác tham mưu với chính quyền địa phương để các địa phương ưu tiên, dành quỹ đất để quy hoạch và xây dựng trường, lớp trên địa bàn huyện.

Công tác điều tra, thực hiện hồ sơ phổ cập, triển khai cập nhật số liệu, thực hiện báo cáo, khai thác dữ liệu trên hệ thống thông tin điện tử quản lý phổ cập giáo dục, xóa mù chữ theo phân cấp quản lý: Hàng năm các trường thực hiện công tác điều tra bổ sung số trẻ mới sinh, cập nhật vào phần mềm, cuối năm tiến hành thực hiện hồ sơ phổ cập trẻ em 5 tuổi, tỉ lệ huy động trẻ 5 tuổi đến trường lớp tăng qua các năm.

- Số lượng, chất lượng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đạt chuẩn và trên chuẩn chiếm tỉ lệ 100%, được sự quan tâm của các ban ngành đoàn thể, các mạnh thường quân, cha mẹ học sinh nhiệt tình trong công tác xã hội hóa tạo động lực giúp đỡ cho các đơn vị trường trên địa bàn huyện cải tạo, nâng cấp, sửa chữa cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị phục vụ cho các hoạt động của trẻ giải quyết khó khăn của đơn vị.

- Việc xã hội hóa giáo dục, mở rộng các loại hình trường, lớp đã góp phần thu hút trẻ mầm non trong độ tuổi đến trường; các lớp tư thục mầm non đáp ứng được nhu cầu gửi trẻ hiện nay và giảm tải bớt áp lực đối với các cơ sở giáo dục mầm non công lập trên địa bàn; góp phần làm ổn định xã hội, tạo thuận lợi cho cha mẹ các cháu an tâm làm việc; bên cạnh giải quyết công ăn việc làm cho một bộ phận giáo viên mầm non và một số lao động khác theo yêu cầu.

### 2. Những khó khăn, hạn chế

- Việc trang bị các thiết bị dạy học hiện đại (tivi thông minh, bảng tương tác,…), thiết bị dạy học theo lộ trình từng lớp còn chậm, trong khi các thiết bị dạy học của các đơn vị đã cũ, chưa được bổ sung kịp thời dẫn đến giáo viên gặp nhiều khó khăn trong việc giảng dạy.

- Một số giáo viên lớn tuổi, còn hạn chế về năng lực, kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin nên khi thực hiện Chương trình mới còn nhiều khó khăn.

- Việc thu hồi biên chế ngành Giáo dục và Đào tạo gây ảnh hưởng đến việc thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018. Về đội ngũ, số lượng giáo viên đăng ký tuyển dụng không đủ theo chỉ tiêu kế hoạch tuyển dụng, dẫn đến không tuyển đủ tỷ lệ giáo viên/lớp (nhất là môn Tin học), ảnh hưởng đến việc dạy học các môn chuyên biệt Tin học, dạy học 2 buổi/ngày ở cấp tiểu học. Kinh phí đầu tư còn hạn hẹp nên việc mua sắm thiết bị dạy học theo hướng tích cực, hiện đại như ti vi, bảng tương tác, hệ thống mạng còn nhiều hạn chế. Kinh phí tổ chức các hoạt động còn hạn chế nên không thể tổ chức các hoạt động trải nghiệm theo chương trình giáo dục phổ thông 2018.

- Cấp Mầm non diện tích một số phòng học còn nhỏ hẹp, phòng học và phòng làm việc đã xuống cấp; Diện tích sân trường chật hẹp không đảm bảo cho trẻ vận động; Một số đơn vị đồ chơi cho trẻ chơi ngoài trời không đủ nên chưa đảm bảo nhu cầu vui chơi và vận động của trẻ  theo Thông tư 02/2010/TT-BGDĐT ngày 11/02 /2010 về Ban hành Danh mục Đồ dùng - Đồ chơi - Thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho Giáo dục mầm non.

**3. Nguyên nhân:**

- Kinh phí đầu tư cho giáo dục chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ thực tiễn. Nhận thức của người dân về chủ trương xã hội hóa giáo dục trong việc cho con, cháu học tại các cơ sở giáo dục mầm non còn hạn chế, số điểm trường lẻ nên ảnh hưởng lớn đến công tác quản lý chất lượng giáo dục và công tác đầu tư, xây dựng cơ sở vật chất, trang bị đồ dùng, đồ chơi, nên ảnh hưởng đến việc huy động trẻ ra lớp và việc nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ.

- Biên chế cấp trên phân bổ về các đơn vị chưa đảm bảo số lượng theo yêu cầu thực tế hiện nay của các trường Mầm non, Tiểu học.

- Kinh phí ngân sách còn hạn chế, ngân sách cho xây dựng sửa chữa trường học eo hẹp không đáp ứng đủ nhu cầu. Một số địa phương kinh tế khó khăn nên việc huy động xã hội hóa không cao.

## V. KIẾN NGHỊ

### 1. Đối với Trung ương

- Có chính sách đặc thù về độ tuổi nghỉ hưu đối với giáo viên mầm non.

### 2. Đối với các cơ quan, tổ chức có liên quan trên địa bàn tỉnh

- Đề nghị các cấp phân bổ thêm biên chế giáo viên và nhân viên hiện nay còn thiếu cho các trường theo quy định tại Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/3/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập.

- Tiếp tục đầu tư về cơ sở vật chất đảm bảo đạt chuẩn cho cấp MN trong thời gian tới như: Hội trường, phòng học, phòng phát triển thể chất, phòng nghỉ cho nhân viên, nhà vệ sinh cho các cơ sở còn thiếu, đồ dùng, đồ chơi ngoài trời, trong lớp.

- Có kế hoạch hỗ trợ nguồn vốn để thực hiện đầu tư xây dựng cơ sở vật chất cho các trường phổ thông theo lộ trình.

- Cấp bổ sung biên chế đủ để đáp ứng lộ trình thực hiện chương trình GDPT mới năm 2018; xem xét lộ trình tinh giản, thu hồi biên chế đối với ngành giáo dục và đào tạo.

- Hỗ trợ sách giáo khoa cho học sinh thuộc hộ nghèo, cận nghèo và có hoàn cảnh khó khăn nhằm tạo điều kiện học tập, duy trì sĩ số học sinh, nâng chất lượng giáo dục và trình độ dân trí vùng miền núi, dân tộc thiểu số.

- Quan tâm bố trí các nguồn lực tạo điều kiện cho công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn đảm bảo trình độ đạt chuẩn theo quy định Luật giáo dục năm 2019.

**VI. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM TRONG THỜI GIAN ĐẾN.**

Trên cơ sở thực trạng và nhu cầu đầu tư cơ sở vật chất, trường học phổ thông trên địa bàn huyện Ninh Hải. Ủy ban nhân dân huyện Ninh Hải tập trung triển khai thực hiện một số nhiệm vụ:

- Tiếp tục rà soát, sắp xếp mạng lưới trường, lớp học đảm bảo khoa học, hợp lý, thuận lợi và đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục.

- Chỉ đạo các phòng ban chuyên môn đầu tư kinh phí xây dựng cơ sở vật chất các đơn vị trường học, lập nhu cầu đầu tư các hạng mục ưu tiên cho các đơn vị trường học trực thuộc.

- Thường xuyên quan tâm công tác xây dựng đội ngũ cán bộ, nhà giáo, tạo điều kiện cho cán bộ, công chức, viên chức tham gia học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

- Chỉ đạo các cấp, ngành đẩy mạnh công tác tham mưu cho cấp ủy, chính quyền và các ban ngành đoàn thể; tăng cường công tác xã hội hóa giáo dục để huy động tất cả nguồn lực xã hội tham gia đầu tư cơ sở vật chất góp phần làm cho cơ sở vật chất các cơ sở giáo dục trên địa bàn huyện ngày càng kiên cố và khang trang hơn, đáp ứng nhu cầu cơ bản cho việc dạy và học.

***Nơi nhận:***
- Đoàn giám sát HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND huyện (Đ/c Hòa);
- Phòng GDĐT;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH**
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Khắc Hòa**